

Số: 184 - NQ/ĐU

NGHỊ QUYẾT

Thực hiện chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đến năm 2025, định hướng 2030

Thực hiện các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết 02-NQ/ĐUK ngày 7/6/2021 của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương về “Thực hiện chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, đơn vị trong Khối DNTW đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ban hành Nghị quyết chuyên đề về “*Thực hiện chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đến năm 2025, định hướng 2030*” với các nội dung cụ thể như sau:

I - TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân; đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội đất nước. Trong cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, chuyển đổi số (CDS) là một xu thế tất yếu khách quan và sẽ diễn ra toàn diện trong mọi mặt đời sống và trên phạm vi toàn cầu.

Một số đơn vị trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính gồm: Tìm kiếm thăm dò và Khai thác Dầu khí, Chế biến khí, Lọc hóa dầu, Điện và Năng lượng tái tạo, Dịch vụ Dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã xây dựng và triển khai chiến lược Chuyển đổi số; thành lập Ban chỉ đạo và bộ phận chuyên trách thực hiện công tác chuyển đổi số của doanh nghiệp; chủ động thay đổi văn hóa làm việc, áp dụng các mô hình quản trị hiện đại, đào tạo về chuyển đổi số cho đội ngũ lao động và gắn chiến lược chuyển đổi số với chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, hiện nay quá trình chuyển đổi số trong một số doanh nghiệp, đơn vị còn chậm; cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho ứng dụng và phát triển CNTT chưa đồng bộ, một số nơi còn lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu nâng cấp, hiện đại hóa. Nhiều đơn vị thiếu chiến lược tiếp cận chuyển đổi số tổng thể mang tính hệ thống, việc triển khai ứng dụng CNTT còn thực hiện rời rạc, cục bộ ở một số đơn vị, bộ phận với một số lĩnh vực; việc tuyển dụng nhân lực CNTT trình độ cao còn khó khăn; ngân sách cho đào tạo, thu hút nhân lực CNTT chưa tương xứng với nhu cầu.

Những hạn chế nêu trên có những nguyên nhân: Tư duy trong chuyển đổi số chậm đổi mới; chưa có các định hướng phù hợp để có thể thúc đẩy quá trình chuyển đổi số; nhận thức của cấp ủy, lãnh đạo doanh nghiệp, đơn vị về chuyển đổi số còn chưa thống nhất; một số cấp ủy, người đứng đầu chưa quan tâm đến công tác chuyển đổi số; nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu. Bên cạnh đó, các công nghệ của Cuộc CMCN 4.0 còn rất mới trên thế giới, nhiều công nghệ chưa có chuẩn chung nên việc tiếp cận nghiên cứu, tìm hiểu để ứng dụng vào thực tế cần nhiều thời gian, nguồn lực chất lượng cao.

II - QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm, yêu cầu

1.1. Quan điểm

Nhận thức rõ về những lợi ích mà chuyển đổi số đem lại, Tập đoàn đã xác định công tác Chuyển đổi số toàn Tập đoàn là việc bắt buộc phải thực hiện để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Ngoài ra, Tập đoàn là doanh nghiệp nhà nước (DNNN) lớn nên cần có năng lực và trách nhiệm đi đầu trong thực hiện chuyển đổi số để vừa đảm bảo vai trò dẫn dắt và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vừa góp phần lan tỏa, thực hiện thành công công tác Chuyển đổi số Quốc gia.

Chuyển đổi số là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp, đơn vị trong Tập đoàn, là công cụ để thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, sức cạnh tranh, vị thế dẫn dắt trong lĩnh vực hoạt động và nền kinh tế, góp phần xây dựng kinh tế số.

Chuyển đổi số gắn liền với chuyển đổi nhận thức của toàn bộ cán bộ tham gia vào hoạt động quá trình sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tập đoàn. Do vậy công tác chuyển đổi số cần có sự chỉ đạo thống nhất từ chủ trương cao nhất của Cấp ủy, thông qua lãnh đạo Doanh nghiệp đến người đứng đầu ở các cấp và sự ủng hộ của các tổ chức chính trị xã hội trong toàn tập đoàn.

1.2. Yêu cầu

Chuyển đổi số là một cuộc cách mạng trong SXKD do yêu cầu số hóa từ quy trình SXKD thông qua đội ngũ cán bộ vận hành quy trình, mang lại giá trị mới cho khách hàng bằng các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao hơn, qua đó tạo điều kiện cho Doanh nghiệp phát triển một cách bền vững.

Do việc CDS với nền tảng là số hoá các dữ liệu và quy trình SXKD nên CDS cũng đặt ra yêu cầu lớn về thay đổi văn hoá doanh nghiệp, yêu cầu Tập đoàn phải tái định hình chiến lược kinh doanh và phát triển, định vị lại chuỗi cung ứng, tái kết nối với khách hàng trên nền tảng kinh doanh số và cuối cùng là tái cấu trúc lại tổ chức của Tập đoàn để phù hợp với nền tảng kinh doanh mới.

Công tác CDS cần phải đảm bảo an toàn, an ninh mạng nhằm phát triển, quản lý, khai thác, bảo vệ và sử dụng hiệu quả ngân hàng dữ liệu số một cách đồng bộ với chiến lược và cơ cấu tổ chức của tập đoàn.

Ngoài công tác bảo đảm an ninh an toàn dữ liệu, CDS còn phải đáp ứng các yêu cầu pháp lý nhằm bảo vệ cán bộ sử dụng, khai thác dữ liệu và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình thông qua tương tác trên môi trường số hoá như tính pháp lý của chữ ký điện tử.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Chuyển đổi số tạo ra các thách thức đối với mô hình kinh doanh hiện tại của PVN nhưng cũng tạo ra những động lực mới cho sự phát triển. Do vậy thực hiện công tác chuyển đổi số một cách thống nhất từ cấp tập đoàn đến từng đơn vị là mục tiêu cuối cùng mà PVN cần phải đạt được trong thời gian 2022 đến 2030.

Trong quá trình thực hiện, đơn vị phải quản trị được các thách thức khi thay đổi sang mô hình số khi điều hành SXKD với các quy trình, dữ liệu và tương tác trên không gian mạng và hệ sinh thái số. Hệ sinh thái số này được thành lập khi các thành viên trong chuỗi giá trị SXKD của PVN bao gồm các đơn vị nội bộ của PVN tham gia tích cực và giữ các vị trí cụ thể trong chuỗi giá trị, đơn vị cung ứng cho quá trình SXKD và khách hàng là người thụ hưởng các giá trị của sản phẩm và dịch vụ mà PVN cung cấp.

Công tác Quản trị hệ sinh thái số “PVNDigiEcoSystem” yêu cầu PVN từng bước chuyển đổi văn hoá của người lao động sang tầm cao mới, xây dựng kỹ năng mới từ đó tạo ra năng lực mới nhằm đạt mục tiêu dài hạn là nâng cao hiệu quả SXKD của PVN và mang lại giá trị gia tăng mới cho khách hàng. Việc hoàn thiện và nâng cao trình độ quản trị Hệ sinh thái số của PVN cũng là động lực để PVN vươn lên nắm vai trò đầu tàu trong lĩnh vực hoạt động của mình, góp phần thực hiện thành công chương trình chuyển đổi số quốc gia, xây dựng xã hội số, chính phủ số, góp phần đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái.

2.2. Mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2022 – 2025 và định hướng đến năm 2030

(i) Trong năm 2022:

Tập trung xây dựng và tiến hành áp dụng bộ tiêu chí đánh giá mức độ CDS thành công cho Tập đoàn và đơn vị theo các định hướng sau:

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công tác Chỉ đạo: Các Đảng ủy ra Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo triển khai công tác CDS cụ thể, phù hợp tình hình cụ thể của Tập đoàn và từng đơn vị theo hướng dẫn của Phụ lục 1;
- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá việc tổ chức thực hiện của Ban điều hành, bao gồm: Xây dựng chương trình CDS như nêu trong Phụ lục 2; Xây dựng tiêu chí của hệ sinh thái số (DigiEcoSystem); xây dựng các tiêu chí chi tiết về SXKD, Khách hàng và tổ chức bộ máy được xây dựng theo chương trình nêu trong mục Phụ lục 2; đối với từng hạng mục trong kế hoạch nêu trong Phụ lục 2, có mức đánh giá chi tiết để đơn vị chủ động xây dựng nhằm đảm bảo tính khả thi;

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả: căn cứ tình hình cụ thể tại từng đơn vị để xây dựng bộ tiêu chí kết quả làm mục tiêu phấn đấu; Ban chỉ đạo CDS của Tập đoàn đánh giá tiêu chí, tổng hợp và báo cáo Đảng ủy phê duyệt;

(ii) Đối với Giai đoạn 2023 - 2025:

- Triển khai chương trình CDS trên phạm vi toàn tập đoàn theo chương trình được phê duyệt với lộ trình trong phụ lục 2;
- Đánh giá kết quả triển khai từng đơn vị theo lộ trình.

(iii) Đối với Giai đoạn 2025-2030:

- 100% các doanh nghiệp trong Tập đoàn hoàn thành công tác CDS và vận hành hoạt động SXKD trên nền tảng công nghệ số.
- Hoàn tất quá trình xây dựng hệ sinh thái số (PVNDigiEcoSystem) trong toàn Tập đoàn, đặc biệt trong lĩnh vực Dầu khí và Năng lượng.

III - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Tập đoàn xây dựng và hoàn thiện các nhiệm vụ và giải pháp phù hợp, hiệu quả đồng thời phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tiến hành tổ chức thực hiện các mục tiêu nêu trên thống nhất, xuyên suốt từ cấp Ủy đến người lao động, cụ thể như sau:

1. Nâng cao vai trò chỉ đạo và định hướng chiến lược công tác CDS của cấp Ủy và cụ thể bằng Nghị quyết, chương trình hành động và các văn bản hướng dẫn cụ thể, trong đó:
 - Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương của Trung ương, Chính phủ, Đảng ủy khối, Đảng ủy Tập đoàn về CDS, tổ chức phổ biến quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy trực thuộc, Đảng viên và người lao động về tính cần thiết và cấp thiết của CDS; chỉ đạo tái cấu trúc đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và chuyển đổi mô hình nghiệp vụ từ truyền thống sang môi trường số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của doanh nghiệp, đơn vị mình.
 - Nâng cao mức độ quan tâm đẩy mạnh CDS đối với một số lĩnh vực ưu tiên theo QĐ số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2021 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 định hướng đến 2030”.
 - Chỉ đạo việc xây dựng Chiến lược CDS gắn liền với Chiến lược SXKD theo các yêu cầu ở mục 2.1 và điều chỉnh phù hợp với đặc thù SXKD của từng đơn vị.
2. Hoàn thiện kế hoạch cụ thể công tác chuyển đổi số và tổ chức triển khai toàn diện, thống nhất, bám sát mục tiêu:
 - Thành lập Ban chỉ đạo CDS trong đó Trưởng ban chỉ đạo là Bí thư Đảng Ủy, người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị. Các doanh nghiệp, đơn vị thành lập bộ phận chuyên trách về CDS/CNTT để giúp việc cho Ban chỉ đạo, đồng thời tổ chức thực hiện quá trình CDS, quản lý tập trung và thống nhất sử dụng nền tảng số tối đa trên cơ sở tối ưu nguồn lực của hệ thống và giải pháp.
 - Tổ chức tinh gọn bộ máy, áp dụng các mô hình quản trị hiện đại trong quá trình CDS theo định hướng tại Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 30/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu

quả Doanh nghiệp nhà nước” và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả”.

- Xây dựng văn hoá số trong doanh nghiệp, đơn vị phù hợp với quá trình CDS, trong đó thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đề cao sự hợp tác, khuyến khích tư duy mở; sử dụng dữ liệu và công cụ phân tích để đưa ra các quyết định kinh doanh, linh hoạt nhạy bén thích nghi với những thay đổi của môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, thay đổi nề nếp, tác phong làm việc trong doanh nghiệp đơn vị trong môi trường làm việc số.
- 3. Bố trí và lập kế hoạch chi tiết về nguồn lực cho công tác triển khai kế hoạch chuyển đổi số:
 - Xây dựng kế hoạch và phát triển cơ sở hạ tầng kết nối (có dây/không dây), tiêu chuẩn hoá các trung tâm dữ liệu, kế hoạch chuyển dịch ứng dụng truyền thống thành điện toán đám mây theo tiêu chuẩn của Hệ thống hạ tầng kỹ thuật số quốc tế.
 - Nghiên cứu và phát triển hệ thống hỗ trợ quản lý thông qua Internet vạn vật, hệ thống giám sát điều hành tập trung, phân tích cảnh báo rủi ro trong quản trị doanh nghiệp và tiến tới xây dựng các công trình nhà máy công xưởng thông minh.
 - Tăng cường xây dựng và bổ sung tạo lập dữ liệu mới bằng việc triển khai các chiến dịch số hoá để chuyển đổi các đối tượng quản lý lên môi trường số. Từ đó xây dựng hệ thống siêu dữ liệu cho tập đoàn và kết nối với đơn vị.
 - Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật để chủ động phòng ngừa ứng phó nguy cơ tác động tiêu cực của CDS, đảm bảo an ninh mạng và triển khai các cơ sở hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin và hệ thống.
 - Tối ưu hoá các nguồn lực công nghệ thông tin hiện có và chủ động đầu tư theo kế hoạch nhằm đạt mục tiêu đã đề ra.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Đảng ủy trực thuộc và đồng chí Bí thư đảng ủy trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết; lãnh đạo, chỉ đạo ban hành nghị quyết, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy Tập đoàn phù hợp với tình hình thực tiễn của doanh nghiệp, đơn vị; chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong doanh nghiệp, đơn vị.
2. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn theo lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc quá trình thực hiện Nghị quyết.
3. Tổng giám đốc Tập đoàn chủ trì, chỉ đạo tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch triển khai Nghị quyết trong Toàn Tập đoàn; Hàng năm chỉ đạo sơ kết đánh giá việc tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết.
4. Ban chỉ đạo công tác Chuyển đổi số của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam là đầu mối chỉ đạo, điều hành công tác Chuyển đổi số của toàn Tập đoàn nhằm đồng bộ công tác Chuyển đổi số trên toàn Tập đoàn.

5. Văn phòng Tập đoàn chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đảng ủy giúp việc cho Ban chỉ đạo công tác Chuyển đổi số của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là đầu mối chỉ đạo, điều hành công tác Chuyển đổi số của toàn Tập đoàn nhằm đồng bộ công tác Chuyển đổi số trên toàn Tập đoàn.
6. Ban Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp chủ trì, phối hợp Văn phòng Đảng ủy Tập đoàn, các cơ quan thông tin, báo chí, truyền thông tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và người lao động, vận động đoàn viên, hội viên tích cực hưởng ứng tham gia tiến trình chuyển đổi số của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị; kịp thời phản ánh những doanh nghiệp, đơn vị làm tốt, các mô hình tiêu biểu để nhân rộng.
7. Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và cựu chiến binh, đoàn viên, thanh niên trong Tập đoàn tiên phong, tích cực tham gia thực hiện chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, đơn vị trong Tập đoàn.
8. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tập đoàn cùng Ban Pháp chế và Kiểm tra chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tập đoàn, các Ban liên quan tham mưu nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trong chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm. Lấy việc triển khai thực hiện chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và xếp loại đảng viên, tổ chức đảng hằng năm.
9. Văn phòng Đảng ủy Tập đoàn phối hợp với Văn phòng Tập đoàn, các Ban, đơn vị và các đảng ủy trực thuộc tham mưu việc tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết hằng năm và sơ kết, tổng kết Nghị quyết theo quy định.

Nghị quyết này được phổ biến đến các chi bộ trong Đảng bộ Tập đoàn./.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (để b/c),
- Thủ tướng/các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c),
- BCS Đảng UBQLVNN tại DN, Bộ CT (để b/c),
- VP, Ban KT, Ban TC, Ban NC, UBKT TW (để b/c),
- ĐUK DNTW (để b/c),
- Các đ/c UVBCH DB, TV HĐTV,
- TGD/các PTGD Tập đoàn (để p/h, c/d và t/h),
- CĐ ĐKVN, ĐTN, Hội CCB TĐ (để t/h),
- Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc (để t/h),
- VPĐU, VP các ban TĐ (để t/h),
- Tạp chí NLN; (để đưa tin),
- Lưu VP ĐU TĐ, VP.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**



Hoàng Quốc Vượng

PHỤ LỤC 1

Quy trình xây dựng chiến lược Chuyển Đổi số Doanh nghiệp

(Kèm theo Nghị quyết số 184/NQ/ĐU, ngày 15/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam)

- (i) Thống nhất chiến lược và mô hình thực hiện công tác CDS từ Tập đoàn tới đơn vị với các nội dung chính trong đó xác định rõ phạm vi lĩnh vực hoạt động; xác định rõ mô hình SXKD và xác định phạm vi và lộ trình chuyển đổi số trong lĩnh vực hoạt động và số hoá mô hình SXKD
- (ii) Thiết lập chiến lược xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng theo chiến lược chung của Tập đoàn bao gồm: Lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D); Quy trình vận hành doanh nghiệp và SXKD; Xác định phạm vi và lộ trình chuyển đổi số trong R&D và quy trình vận hành cũng như SXKD thông qua công tác đánh giá hiện trạng và định hình doanh nghiệp số trong tương lai;
- (iii) Thiết lập chiến lược kết nối với khách hàng bao gồm định vị phân khúc khách hàng; Quy trình duy trì khách hàng và đo lường mức độ trung thành; Xác định phạm vi và lộ trình chuyển đổi số trong các quy trình định vị, duy trì và đo lường mức độ trung thành của khách hàng.
- (iv) Tái cấu trúc tổ chức doanh nghiệp bao gồm tổ chức bộ máy của đơn vị theo chiến lược SXKD; Định vị các kỹ năng cần thiết khi vận hành hệ thống số hoá; Xác định phạm vi và lộ trình chuyển đổi số trong bộ máy tổ chức và đào tạo kỹ năng cho cán bộ đáp ứng các yêu cầu vận hành tổ chức doanh nghiệp số.

PHỤ LỤC 2

Lộ trình chuyển đổi mô hình kinh doanh của doanh nghiệp

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ/ĐU, ngày 15/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam)

1. Thực trạng số của Doanh Nghiệp
 - a. Phân thảo mô hình hoạt động SXKD hiện tại của đơn vị.
 - b. Phân tích chuỗi giá trị và tác nhân của từng thành phần trong chuỗi.
 - c. Thu thập các yêu cầu của khách hàng của đơn vị.
2. Xác định Mục tiêu Chuyển đổi số
 - a. Đặt ra các mục tiêu và thứ tự ưu tiên cho chuyển đổi số của từng thành phần trong mô hình SXKD hiện tại.
 - b. Thiết kế các tiêu chí thành công đối với từng mục tiêu Chuyển đổi số (Yêu cầu SXKD, khách hàng và mục tiêu chiến lược của đơn vị).
3. Khả năng Chuyển Đổi Số
 - a. Tham khảo các kinh nghiệm chuyển đổi số thành công đối với từng thành phần của mô hình SXKD.
 - b. Thiết kế các phương án “Mô hình kinh doanh số” trong tương lai.
 - c. Thiết kế các tiêu chí thành công của Công tác Chuyển đổi số cho từng giai đoạn cụ thể trong lộ trình CDS của đơn vị.
 - d. Lựa chọn các giải pháp số phù hợp với mô hình mới.
4. Phê duyệt Giải Pháp chuyển đổi số
 - a. Đánh giá hiệu quả các giải pháp Chuyển đổi số phù hợp với tiêu chí thành công.
 - b. Phê duyệt các giải pháp ứng dụng.
5. Triển khai Công tác Chuyển đổi số cho Doanh nghiệp
 - a. Hoàn thiện mô hình kinh doanh số trên cơ sở ứng dụng các giải pháp số.
 - b. Thiết kế hệ thống tương tác số với khách hàng.
 - c. Thiết kế hệ thống mạng giá trị số nội bộ và tương tác tích hợp với hệ thống đối tác, nhà cung cấp và khách hàng.

PHỤ LỤC 3

Một số hoạt động cần ưu tiên chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đến năm 2025, định hướng 2030.

(Kèm theo Nghị quyết số 48/NQ/ĐU, ngày 15/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam)

1. Lĩnh vực Tìm kiếm – Thăm dò – Khai thác Dầu khí

- Ứng dụng công nghệ số để hình thành Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Tìm kiếm – Thăm dò – Khai thác Dầu khí tại doanh nghiệp, đơn vị. Tích hợp chặt chẽ, hai chiều với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Tìm kiếm – Thăm dò – Khai thác Dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty mẹ để hình thành chuỗi liên kết dọc trong Tập đoàn.
- Ứng dụng công nghệ số để chia sẻ, trao đổi thông tin với các doanh nghiệp, đơn vị trong toàn Tập đoàn (nếu có liên quan). Hình thành nền tảng số hỗ trợ chuỗi liên kết ngang trong Tập đoàn.
- Ứng dụng các công nghệ số hàng đầu, chuyên ngành trong lĩnh vực Tìm kiếm – Thăm dò – Khai thác Dầu khí để hình thành các công trình, nhà máy, cơ sở sản xuất thông minh.

2. Lĩnh vực Lọc hóa dầu

- Ứng dụng công nghệ số để hình thành Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Lọc hóa dầu tại doanh nghiệp, đơn vị. Tích hợp chặt chẽ, hai chiều với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Lọc hóa dầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty mẹ để hình thành chuỗi liên kết dọc trong Tập đoàn.
- Ứng dụng công nghệ số để chia sẻ, trao đổi thông tin với các doanh nghiệp, đơn vị trong toàn Tập đoàn (nếu có liên quan). Hình thành nền tảng số hỗ trợ chuỗi liên kết ngang trong Tập đoàn.
- Ứng dụng các công nghệ số hàng đầu, chuyên ngành trong lĩnh vực Lọc hóa dầu để hình thành các công trình, nhà máy, cơ sở sản xuất thông minh.

3. Lĩnh vực Công nghiệp khí

- Ứng dụng công nghệ số để hình thành Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Công nghiệp khí tại doanh nghiệp, đơn vị. Tích hợp chặt chẽ, hai chiều với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Công nghiệp khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty mẹ để hình thành chuỗi liên kết dọc trong Tập đoàn.
- Ứng dụng công nghệ số để chia sẻ, trao đổi thông tin với các doanh nghiệp, đơn vị trong toàn Tập đoàn (nếu có liên quan). Hình thành nền tảng số hỗ trợ chuỗi liên kết ngang trong Tập đoàn.
- Ứng dụng các công nghệ số hàng đầu, chuyên ngành trong lĩnh vực Công nghiệp khí để hình thành các công trình, nhà máy, cơ sở sản xuất thông minh.

4. Lĩnh vực Điện và Năng lượng tái tạo

- Ứng dụng công nghệ số để hình thành Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Điện và Năng lượng tái tạo tại doanh nghiệp, đơn vị. Tích hợp chặt chẽ, hai chiều với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Điện và Năng lượng tái tạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty mẹ để hình thành chuỗi liên kết dọc trong Tập đoàn.
- Ứng dụng công nghệ số để chia sẻ, trao đổi thông tin với các doanh nghiệp, đơn vị trong toàn Tập đoàn (nếu có liên quan). Hình thành nền tảng số hỗ trợ chuỗi liên kết ngang trong Tập đoàn.
- Ứng dụng các công nghệ số hàng đầu, chuyên ngành trong lĩnh vực Điện và Năng lượng tái tạo để hình thành các công trình, nhà máy, cơ sở sản xuất thông minh.

5. Lĩnh vực Dịch vụ Dầu khí

- Ứng dụng công nghệ số để chia sẻ, trao đổi thông tin với các doanh nghiệp, đơn vị trong toàn Tập đoàn (nếu có liên quan). Hình thành nền tảng số hỗ trợ chuỗi liên kết ngang trong Tập đoàn.

6. Lĩnh vực Quản trị - Điều hành doanh nghiệp, đơn vị (Quản trị nội bộ)

- Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý kế hoạch, quản lý tài chính, quản trị nhân sự, quản lý tài sản, quản lý danh mục đầu tư, quản lý quan hệ khách hàng, quản lý văn bản/tài liệu, quản lý hành chính, truyền thông và trao đổi thông tin trong nội bộ, quy trình xử lý công việc liên thông giữa các bộ phận, an toàn sức khỏe môi trường, kết quả thực hiện các đề tài/ nhiệm vụ khoa học công nghệ, các biện pháp cải tiến, phát minh, sáng chế nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, các kinh nghiệm, tri thức, kiến thức chuyên gia tích lũy từ trong các hoạt động của Tập đoàn... Ưu tiên sử dụng các nền tảng số có khả năng dùng chung, thống nhất.
- Ứng dụng công nghệ số để hình thành Cơ sở dữ liệu Quản lý nội bộ tại doanh nghiệp, đơn vị. Tích hợp chặt chẽ, hai chiều với Cơ sở dữ liệu Quản lý nội bộ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty mẹ để hình thành Hệ thống hỗ trợ quản trị, điều hành Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- Triển khai chữ ký số để đảm bảo tính vẹn toàn của dữ liệu, tài liệu và văn bản số. Tiến tới hình thành văn phòng không giấy tờ (trừ các loại giấy tờ bắt buộc phải lưu trữ, bảo)
- Ứng dụng công nghệ số để hình thành các Cơ sở dữ liệu phục vụ Quản trị - điều hành của doanh nghiệp, đơn vị.
- Triển khai đồng bộ các ứng dụng công nghệ số trong Lĩnh vực Quản trị - Điều hành với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty mẹ để hình thành Hệ thống quản trị điều hành toàn Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Ưu tiên sử dụng các nền tảng số có khả năng dùng chung, thống nhất toàn Tập đoàn.

- Thành lập bộ phận Chuyển đổi số chuyên trách tại doanh nghiệp, đơn vị. Phối hợp chặt chẽ với bộ phận Chuyển đổi số chuyên trách tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tại doanh nghiệp/đơn vị trong Tập đoàn có liên quan để triển khai công tác Chuyển đổi số đồng bộ và toàn diện trên toàn Tập đoàn.

7. Lĩnh vực Công nghệ thông tin và An toàn bảo mật thông tin

- Triển khai đồng bộ, tích hợp chặt chẽ các ứng dụng công nghệ số trong Lĩnh vực Quản trị - Điều hành doanh nghiệp và các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty mẹ.
- Triển khai hệ thống mạng diện rộng trong toàn Tập đoàn (WAN) để kết nối các đơn vị trong doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp, đơn vị với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty mẹ phục vụ trao đổi thông tin nhanh chóng, xuyên suốt, an toàn trên toàn Tập đoàn.
- Nghiên cứu ứng dụng xu hướng các ứng dụng công nghệ số như: Dữ liệu lớn (BigData), Phân tích dữ liệu sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI/ML), Điện toán đám mây (Cloud Computing), Điện toán biên (Edge Computing), Internet vạn vật (IoT), Thực tại ảo – Thực tại tăng cường (VR/AR), ... phù hợp để hỗ trợ tối đa các hoạt động quản trị, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị.
- Chuẩn hóa, tập trung hóa các nền tảng ứng dụng, hạ tầng CNTT phục vụ Chuyển đổi số trong toàn Tập đoàn, đặc biệt là các nền tảng số có khả năng dùng chung cho nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong Tập đoàn để tối ưu chi phí đầu tư, triển khai, hỗ trợ, bảo hành bảo trì.
- Chuẩn hóa, tập trung hóa các giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin trong toàn Tập đoàn tối ưu chi phí đầu tư, triển khai, hỗ trợ, bảo hành bảo trì đồng thời đảm bảo an ninh, an toàn thông tin chung của toàn Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam và Quốc tế.

PHỤ LỤC 4

Phân công nhiệm vụ, giám sát và kiểm tra

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ/ĐU, ngày 15/02/2022 của
Ban Chấp hành Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam)

S T T	Nội dung	Trách nhiệm các bên liên quan				
		Hoàn thành	Thực hiện	Phối hợp	Tư vấn	Báo cáo
1	Thành lập ban Chỉ đạo CDS	Đảng Ủy	Đảng ủy	TGD/Tổ chức CT-XH	Văn phòng/ Tư vấn	Đảng Ủy
2	Xây dựng chiến lược CDS	Đảng ủy	TGD	Tổ chức CT-XH	Văn phòng/ Tư vấn	Đảng Ủy
3	Xây dựng chương trình nhận thức/đào tạo thường xuyên về CDS	Đảng ủy	TGD	Tổ chức CT-XH	Văn phòng/ Tư vấn	Đảng Ủy
4	Triển khai Chiến lược CDS	TGD	Các đơn vị	Các tổ chức CT-XH	Văn phòng/ Tư vấn	Đảng Ủy
5	Giám sát thực hiện và Kiểm tra	Đảng Ủy	Ban chỉ đạo CDS	TGD/Tổ chức CT-XH	Văn phòng/ Tư vấn/ Pháp chế	TGD